TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày: 16-8-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.

- Bà H' Uyên Ayun.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2019/TLST - DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS, ngày 24/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-DS, ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03 tháng 11 năm 2017 âm lịch tôi có cho vợ chồng bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C (sau đây gọi tắt là vợ chồng bà H) vay số tiền 466.000.000 đồng. Chúng tôi thỏa thuận tiền lãi suất là 2%/tháng và hẹn 01 năm

sẽ trả đủ. Đến ngày 29 tháng 11 năm 2017 âm lịch vợ chồng bà H đã trả cho tôi số tiền 260.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi suất. Đến ngày 04/12/2017 âm lịch tôi tiếp tục cho vợ chồng bà H vay số tiền 44.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tổng số tiền vợ chồng bà H còn nợ tôi là 250.000.000 đồng và lãi suất. Đến ngày 10/10/2018 vợ chồng bà H đã trả cho tôi toàn bộ lãi suất tính đến ngày 10/10/2018. Số nợ vợ chồng bà Hiên còn nợ lại tôi hiện nay là 250.000.000 đồng và lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Đến thời hạn trả nợ mặc dù tôi đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng bà H không trả, nên tôi khởi kiện vợ chồng bà H trả cho tôi số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng từ ngày 11/10/2018 dương lịch cho đến khi vợ chồng bà Hiên trả toàn bộ số nợ cho tôi.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Bùi Thị Hiên trình bày:

Vào ngày 03 tháng 11 năm 2017 âm lịch vợ chồng tôi có vay bà Lê Thị N số tiền 466.000.000 đồng. Chúng tôi thỏa thuận tiền lãi suất là 2%/tháng và hẹn 01 năm sẽ trả đủ. Đến ngày 29 tháng 11 năm 2017 âm lịch vợ chồng tôi đã trả cho bà N số tiền 260.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi suất. Đến ngày 04/12/2017 âm lịch vợ chồng tôi tiếp tục vay bà N số tiền 44.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và hẹn 01 năm sẽ trả đủ. Sau khi nợ đến ngày 10/10/2018 vợ chồng tôi đã trả cho bà N toàn bộ lãi suất tính đến ngày 10/10/2018. Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ lại bà N là 250.000.000 đồng và lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ ngày 11/10/2018 dương lịch cho đến nay. Hiện nay, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ ngày 11/10/2018 dương lịch cho đến khi chúng trả toàn bộ số nợ này chúng tôi đồng ý trả. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi thỏa thuận trả tiền cho bà N nhưng khi nào chúng tôi bán được rẫy chúng tôi sẽ trả.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Văn Chung trình bày:

Ông C đồng ý với nội dung trình bày của bà Bùi Thị H. Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh chúng tôi khó khăn nên chúng tôi thỏa thuận với bà N khi nào chúng tôi bán được rẫy chúng tôi sẽ trả nợ cho bà Nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn vợ chồng bà H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào ngày 03 tháng 11 năm 2017 âm lịch bà N có cho vợ chồng bà bà H) vay số tiền 466.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và hẹn 01 năm sẽ trả đủ. Đến ngày 29 tháng 11 năm 2017 âm lịch vợ chồng bà H đã trả cho bà N số tiền 260.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi suất. Đến ngày 04/12/2017 âm lịch bà N tiếp tục cho vợ chồng bà H vay số tiền 44.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày vay. Tổng số tiền vợ chồng bà Hiên còn nợ bà N là 250.000.000 đồng và lãi suất. Đến ngày 10/10/2018 vợ chồng bà H đã trả cho bà N toàn bộ lãi suất đối với số tiền trên tính đến ngày 10/10/2018. Hiện nay vợ chồng bà Hiên còn nợ bà N số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/10/2018. Đến thời hạn trả nợ mặc dù bà N đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng bà H không trả nên bà Nghị khởi kiện vợ chồng bà H trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ ngày 11/10/2018 dương lịch cho đến khi vợ chồng bà H trả toàn bộ số nợ.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án vợ chồng bà H thừa nhận có nợ bà Lê Thị N số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/10/2018 đến nay theo hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Vợ chồng bà H đồng ý trả cho bà N số nợ trên và lãi suất nhưng vợ chồng bà Hiên hẹn khi nào bán được rẫy sẽ trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà H và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay, bà Nghị đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản, nhưng vợ chồng bà Hiên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản. Việc vợ chồng bà H không thực hiện nghĩa vụ của bên vay tài sản đối với bên cho vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Vì vậy, bà N yêu cầu vợ chồng bà H trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng từ ngày 11/10/2018 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Vợ chồng bà H và bà N thỏa thuận lãi suất tính từ ngày 11/10/2018 đến khi trả hết số nợ 250.000.000 đồng là 1,5%/tháng. Xét thấy thỏa thuận lãi suất này của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà H phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của hai bên là 1,5%/tháng tính từ ngày 11/10/2018 đến ngày xét xử 16/8/2019 là 305 ngày. Lãi suất cụ thể được tính như sau:

250.000.000 đồng x 305 ngày : 30 ngày x 1,5% = 38.125.000 đồng

[4] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vợ chồng bà H có nguyện vọng trả số nợ 250.000.000 thời hạn khi nào bán được rẫy sẽ trả. Tuy nhiên, yêu cầu này của vợ chồng bà Hiên không được bà N chấp nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận phương thức trả nợ và thời hạn trả nợ như vợ chồng bà H đã trình bày mà cần buộc vợ chồng bà H trả toàn bộ số nợ 250.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần buộc vợ chồng bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại cho bà Lê Thị N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị H trả số tiền 288.125.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn).

Trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất là 38.125.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị H phải chịu 14.406.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị N 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo theo biên lai số AA/2019/0000790, ngày 30/5/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Hà